

Số: /TB-UBND

Nguyễn Lương Bằng, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

V/v công khai danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã

Căn cứ Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công khai danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

UBND xã Nguyễn Lương Bằng thông báo công khai danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Giao chuyên viên phụ trách tiếp nhận hồ sơ lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và Nhân dân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Cát

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ (61 TTHC)**

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (61 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
I. Lĩnh vực Hộ tịch (37 TTHC)								
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Miễn phí (ĐKKs đúng hạn). - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	Toàn trình		Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn lệ phí		Một phần	29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		- 10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.		Toàn trình	
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		- Miễn phí (ĐKKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá		Toàn trình	

					nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Miễn lệ phí		Một phần	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- 8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số

7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc		Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn lệ phí	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc		Miễn lệ phí	Toàn trình		

							120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)		Không quy định	Toàn trình	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;

							- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)		Không quy định	Toàn trình	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP

							ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác		- 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số

			định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.				85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
14.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.		5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia	Toàn trình	85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày

			giải quyết không quá 25 ngày.		đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 30.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	

18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật);		Một phần	

					- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	Toàn trình		
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày		- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng.	Toàn trình		

					(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		

26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 06 ngày làm việc.		- 28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình	12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		

30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
32.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách		Một phần	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số

			ngày.		mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
33.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	Toàn trình		
34.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn phí	Toàn trình		Nghị định 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/6/2024.
35.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xóa	Ngay trong ngày, trường hợp nhận		Miễn phí	Toàn trình		

		đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo				
36.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)		8.000 đồng/bản (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
37.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		8.000 đồng/bản	Toàn trình	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày

								04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
II. Lĩnh vực Chứng thực (13 TTHC)								
1.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 Ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/di chúc			
3.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/văn bản			
4.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/văn bản			
5.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai	02		50.000 đồng/văn bản			

		nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Ngày làm việc					
6.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).			
7.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp			
8.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			
9.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			

			cầu sau 15 giờ					
10.	2.000942	Thủ tục cấp bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	Toàn trình		
11.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		Không quy định	Toàn trình		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT - BTP ngày 03/03/2020.
12.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản		2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

		của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc		của bản chính)			
13.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).			
III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (05 TTHC)								
14.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	400.000đ/ trường hợp (Miễn lệ phí đối		Một phần	Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số

				chính công cấp xã	với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định; người có công với cách mạng)			24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
15.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
16.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45 ngày		4.500.000 đồng/trường hợp		Một phần	

17.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Toàn trình		Luật Hộ tịch 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
18.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày		Không quy định	Toàn trình		Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
IV. Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (05 TTHC)								
19.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	Toàn trình		Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày

		đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở		công cấp xã				11/6/2025; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
20.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014.
21.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		
22.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	Toàn trình		
23.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	5 ngày làm việc		Không quy định		Một phần	
V. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)								
35.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.